

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/DS-ST.
Ngày: 26-01-2024.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Nghiệm**.

Bà **Trần Thu Hồng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà:** ông Nguyễn Văn Quý – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2023/QĐXXST-DS ngày 27/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2024/QĐST-DS ngày 08/01/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Trần Thị Thu T (tên thường gọi Q), sinh năm 1977 (vắng mặt).

Trần Minh H, (tên thường gọi Chín T) sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Tôi với vợ chồng bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H thông qua việc bà Trần Thị Thu T đại diện đứng giao dịch đầu thảo hụi, tôi tham gia hụi viên, cụ thể:

Dây 1: Mở ngày 15/9/2021 (âm lịch), hụi tháng 5.000.000đồng, gồm có 25 phần, tôi tham gia 03 phần, đã hót hụi 01 phần, còn 02 phần thì tôi đóng được 23 kỳ hụi sống và kêu hót hụi chót được số tiền 230.000.000đồng, trừ hụi chết của 01 phần trước và 02 phần cuối với hòa hồng cho T là 17.600.000đồng nên bà Thảo phải giao cho tôi số tiền 212.400.000đồng. Hụi mãn ngày 15/6/2023 (âm lịch).

Ngày 10/6/2023 bà T kêu bể hội.

Dây hội này vợ chồng bà T nợ tôi số tiền 212.400.000đồng.

Dây 2: Mở ngày 10/12/2022 (âm lịch), hội tháng 5.000.000đồng, gồm có 23 phần, tôi tham gia 03 phần, đóng được 05 kỳ hội sống, được số tiền 57.000.000đồng (tính đóng hội sống $3.800.000\text{đồng}/\text{kỳ} \times 03 \text{ phần} \times 05 \text{ kỳ} = 57.000.000\text{đồng}$).

Ngày 10/6/2023 bà T kêu bể hội.

Dây hội này vợ chồng bà T nợ tôi số tiền 57.000.000đồng.

Dây 3: Hội ngày mở ngày 10/02/2023 (âm lịch), Hội ngày 5.000.000đồng, gồm có 20 phần, tôi tham gia 03 phần, đóng được 05 kỳ hội sống, được số tiền 57.000.000đồng (tính vốn đóng hội sống là $3.800.000\text{đồng}/\text{kỳ} \times 03 \text{ phần} \times 05 \text{ kỳ} = 57.000.000\text{đồng}$).

Dây hội này vợ chồng bà T nợ tôi số tiền 57.000.000đồng.

Ngày 10/6/2023 bà Thảo có ký tên xác nhận nợ hội cho tôi theo các giấy hội.

Việc bà Thảo đứng ra tổ chức chơi hội đầu thảo địa phương và chồng là anh Trần Minh H đều biết, bà T sử dụng số tiền huê hồng để chi tiêu kinh tế gia đình nên chồng là ông Trần Minh H phải có trách nhiệm liên đới trong việc bể hội này.

Hiện nay vợ chồng bà T còn nợ tôi số tiền là 326.400.000đồng. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền nợ hội là 326.400.000đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực.

* Bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Thảo, ông Hồng không đến cũng không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn bà L có mặt, bà L vẫn giữ nguyên lời trình bày như trong đơn khởi kiện. Cụ thể, bà L yêu cầu:

- Buộc bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hui là 326.400.000đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H vắng mặt.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2].Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Thảo, ông Hồng.

[3].Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hui là 326.400.000đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Bà L cung cấp chứng cứ là: “Các Giấy hui”, có chữ ký tên, ghi họ tên Q, Trần Thị Thu Q, thể hiện việc bà T có tham gia chơi hui, hiện nay còn nợ lại bà L số tiền là 326.400.000đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Từ biên bản xác minh của Tòa án thể hiện: “Bà Trần Thị Thu Thảo có tên thường gọi là Quyên, ông Trần Minh Hồng có tên thường gọi là Chín T (Chính T, 9 T). Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1977, ông Trần Minh H, sinh năm 1973. Ông bà là vợ chồng, cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T, bà Trần Thị Thu T có khi người ta còn gọi là Trần Thị Thu Q” (Bút lục 32). Bà T, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, xem như bà T, ông H đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T, ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hui là

326.400.000đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4].Ghi nhận việc bà L không yêu cầu bà T, ông H phải trả cho bà L số tiền lãi.

[5].Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L nên bà T, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, húi, biêu, phưong. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Buộc bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 326.400.000đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L cho đến khi thi hành án xong; bà T, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H phải chịu số tiền là 16.320.000 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Do bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên không phải hoàn lại tiền án phí cho bà L.

Về quyền kháng cáo: Bà L có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà T, ông H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

